

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 260/2020/HS-ST

Ngày: 28 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Mạnh

Ông Nguyễn Đăng Cường

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Kim Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 239/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2020/QĐXXST-HS ngày 18/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Văn P; sinh ngày 4 tháng 4 năm 1967, tại xã B, thành phố L

Nơi cư trú: Thôn 2 xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/10; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà P T và bà: Trần Thị P; vợ con: không có; Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2020, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ trụ sở: xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Tiến T - chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, thành phố L

Có mặt tại phiên tòa

- Người làm chứng:

1 - Ông Lý Văn B – sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 6, xã Q, thành phố L, có mặt tại phiên tòa

- 2 - Ông Bàn Văn T, sinh năm 1961
- 3 - Ông Trương Văn K – sinh năm 1963
- 4 - Ông Đặng Văn H – sinh năm 1963
- 5 - Ông Trần Văn H – sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã B, thành phố L, đều vắng tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 12/2019 đến cuối tháng 2/2020, rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã B, thành phố L quản lý đã bị chặt phá trái phép các cây rừng tự nhiên, cụ thể:

Năm 2012, ông bà Hà P T và Lê Thị B được Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) cấp 21.600 mét vuông (m^2) đất rừng tự nhiên sản xuất (giao khoán nuôi, bảo vệ) thuộc thửa đất số 276, khoảnh 7, tiểu khu 81, thôn 3, xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi được giao, ông bà T, B đã giao lại cho con trai của ông T là Hà Văn P trông coi, sử dụng. Đến cuối tháng 12 năm 2019, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thấy các hộ xung quanh đã chặt phát rừng sản xuất được giao để trồng cây keo nên P cũng nảy sinh ý định chặt phát đất rừng được giao để trồng cây keo. P đã thuê các anh Đặng Văn H (sinh năm 1963), Trương Văn Kh (sinh năm 1963), Bàn Văn T (sinh năm 1961) (đều trú tại thôn 2, xã B) và anh Lý Văn B (sinh năm 1981; trú tại thôn 6, xã Quảng L, thành phố L) chặt phát cây rừng cho P và thỏa thuận giá tiền công là 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng/người/ngày. P là người chỉ ranh giới, vị trí chặt phát cây rừng cho các anh Kh, H, T, B thực hiện. Trong khoảng thời gian 10 ngày, P cùng 04 người trên dùng dao quắm và 01 (một) chiếc cưa máy mượn của anh Trần Văn H (sinh năm 1971, trú tại: thôn 1, xã B) chặt phát 21.600 m^2 diện tích có cây rừng tự nhiên thuộc rừng sản xuất của gia đình P. Đồng thời, P còn chỉ vị trí cho các anh K, H, T, B chặt phát 26.600 m^2 diện tích cây rừng tự nhiên thuộc rừng sản xuất thuộc thửa đất số 44, khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B của Ủy ban nhân dân xã B đang quản lý.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và Biên bản xác minh kiểm tra hiện trường và các phiếu điều tra cây rừng do Cơ quan điều tra lập thể hiện: hiện trường vụ việc xảy ra tại khoảnh 7, tiểu khu 81 thuộc thôn 3, xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh. Phía Bắc hiện trường giáp rừng trồng cây của ông Đặng Văn Hải; phía Nam hiện trường giáp rừng do Ủy ban nhân dân xã B quản lý; phía Đông hiện trường giáp rừng trồng cây của ông Trương Văn G; phía Tây hiện trường giáp rừng trồng cây của bà Lê Thị L.

+ Vị trí số 1: Đối với thửa đất số 276, khoảnh 7, tiểu khu 81, thôn 3, xã B, thành phố L:

Diện tích rừng bị chặt phá 21.600m^2 , tổng số cây rừng tự nhiên có đường kính dưới 6cm đo tại vị trí D1.3m là 1.178 cây; đường kính trung bình 2,96 cm; chiều cao vút ngọn trung bình là 3,74 cây; tổng khối lượng gỗ bị chặt phá: $0,569\text{m}^3$. Tổng số cây rừng tự nhiên có đường kính trên 6cm đo tại vị trí D1.3m là 602 cây; đường kính trung bình 10,43cm; chiều cao vút ngọn trung bình 7,38 m; tổng khối lượng gỗ bị chặt phá: $19,945\text{m}^3/2,16$ ha. Số tre, nứa bị chặt phá 8.510 cây. Toàn bộ cây rừng bị chặt phá bị đối tượng dùng vật lưỡi sắc cưa (các dấu vết chặt, cưa) chặt hạ tại vị trí. Cành cây, lá cây đã khô, chuyển màu nâu. Loài cây chủ yếu bị chặt phá gồm Lim xanh, Chẹo, Dẻ...

+ Vị trí số 2: Đối với thửa đất số 44, khoảnh 7, tiểu khu 81 thuộc thôn 3, xã B, thành phố L:

Diện tích rừng bị chặt phá 41.000m^2 được Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) giao cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất. Tổng số cây rừng bị chặt phá 2.549cây/2,78ha; Tổng khối lượng gỗ bị chặt phá là $33,028\text{m}^3/2,78$ ha. Tổng số cây tre, nứa bị chặt phá 8.532 cây. Toàn bộ cây rừng bị chặt phá bị đối tượng dùng vật lưỡi sắc cưa chặt hạ tại vị trí. Cành cây, lá cây đã khô, chuyển màu nâu. Loài cây chủ yếu bị chặt phá gồm Lim xanh, Chẹo, Dẻ...

Tổng số cây rừng do Hà Văn P chặt phá là 2.375cây/2,66 ha. Trong đó: Số cây rừng có đường kính dưới 6 cm đo tại vị trí D1.3 là 1.695 cây; đường kính trung bình 2,94cm; chiều cao vút ngọn trung bình 3,5m; tổng khối lượng gỗ bị chặt phá là $2,177\text{m}^3/2,66$ ha. Số cây rừng có đường kính trên 6cm đo tại vị trí D1.3 là 680 cây; đường kính trung bình là 10,44 cm; chiều cao vút ngọn trung bình là 7,61 m; tổng khối lượng gỗ bị chặt phá $29,46\text{m}^3$. Số cây tre nứa bị chặt phá là 8.235 cây.

Tại bản Kết luận giám định số 254 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Kiểm lâm - Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ninh, kết luận:

+ Diện tích cây rừng tự nhiên bị chặt phá là 41.000m^2 tại thửa đất số 44, lô 32, khoảnh 7, tiểu khu 81, thôn 3, xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh tại thời điểm bị hủy hoại thuộc rừng tự nhiên được quy hoạch là rừng sản xuất.

(Đối chiếu bản đồ kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng kèm theo Quyết định số 3722/QĐ –UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Quảng Ninh”);

Độ tàn che bằng tổng diện tích tán của cây rừng bị hủy hoại/tổng diện tích cây rừng tự nhiên bị hủy hoại: $9.482,56\text{m}^2/41.000\text{m}^2 = 0,23$; Chiều cao vút ngọn trung bình của tổng số cây rừng tự nhiên bị hủy hoại trên diện tích 41.000m^2 là 6,28 m; Mật độ trung bình của số cây rừng bị hủy hoại là $1.048\text{ cây}/4,1\text{ ha} = 256\text{ cây}/01\text{ ha}$; Đường kính trung bình của tổng số cây rừng tự nhiên bị hủy hoại trên diện tích 41.000m^2 tại vị trí 1,3 mét tính từ mặt đất trở lên bằng 11,71 cm;

Tổng khối lượng gỗ của cây rừng tự nhiên bị hủy hoại là $45,5m^3/4,1\text{ ha} = 11,1m^3/01\text{ ha}$.

+ Diện tích cây rừng tự nhiên bị chặt phá là $21.600m^2$ tại thửa đất số 276, khoảnh 7, tiểu khu 81, thôn 3, xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh tại thời điểm bị hủy hoại thuộc rừng tự nhiên được quy hoạch là rừng sản xuất.

Độ tàn che bằng tổng diện tích tán của cây rừng bị hủy hoại/tổng diện tích cây rừng tự nhiên bị hủy hoại: $4.136,68\text{ m}^2/21.600m^2 = 0,19$; Chiều cao vút ngọn trung bình của tổng số cây rừng tự nhiên bị hủy hoại trên diện tích $21.600m^2$ ($2,16\text{ ha}$) là $7,38\text{ m}$; Mật độ trung bình của số cây rừng bị hủy hoại là $602\text{ cây}/2,16\text{ ha} = 279\text{ cây}/01\text{ ha}$; Đường kính trung bình của tổng số cây rừng tự nhiên bị hủy hoại trên diện tích $21.600m^2$ ($2,16\text{ ha}$) tại vị trí $1,3\text{ mét}$ tính từ mặt đất trở lên bằng $10,43\text{ cm}$. Tổng khối lượng gỗ của cây rừng tự nhiên bị hủy hoại là $19,945m^3/2,16\text{ ha} = 9,23m^3/01\text{ ha}$. (Bút lục số: 74-75)

Tại bản Kết luận giám định số 601 ngày 12/6/2020 của Chi cục Kiểm lâm - Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ninh, kết luận:

+ Vị trí có cây rừng tự nhiên bị chặt hạ trên diện tích $21.600m^2$ tại thửa đất số 276, khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh : Có 11 (mười một) cây lim xanh thuộc bảng IIA trong nhóm II tại “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ;

+ Vị trí có cây rừng tự nhiên bị chặt hạ trên diện tích $26.600m^2\text{ ha}$ tại thửa đất số 44, khoảnh 7, tiểu khu 81 xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh: Có 01 (một) cây lim xanh thuộc bảng IIA trong nhóm II tại “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

+ Vị trí có cây rừng tự nhiên bị chặt hạ trên diện tích $1.200m^2$ tại thửa đất số 44, khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh: Không có loài cây nào có tên trong “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ;

Tại kết luận định giá tài sản số 100/KLĐG ngày 31/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố L, kết luận:

1- Giá trị thiệt hại do chặt phá rừng trái phép trên diện tích $21.600m^2$ thuộc thửa đất số 276 khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B, thành phố L là 215.371.016 đồng (Hai trăm mười năm triệu ba trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười sáu đồng), trong đó:

-Giá trị thiệt hại lâm sản gỗ là: 45.332.754 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng);

-Giá trị thiệt hại lâm sản ngoài gỗ là 8.510 cây tre nứa có đường kính trung bình tại vị trí D1.3m là 1,45 cm; chiều cao vút ngọn trung bình là: 3,35m là: 8.510.000 đồng (tám triệu năm trăm mười nghìn đồng);

- Giá trị thiệt hại về môi trường là: 161.528.262 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu năm trăm hai mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng).

2- Giá trị thiệt hại do chặt phá rừng trái phép trên diện tích 26.600m² thuộc thửa đất số 44 khoảnh 7, tiểu khu 81 xã B, thành phố L là: 277.348.180 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn một trăm tám mươi đồng), trong đó:

-Giá trị thiệt hại lâm sản là gỗ: 61.102.045 đồng (Sáu mươi một triệu một trăm linh hai nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng);

-Giá trị thiệt hại lâm sản ngoài gỗ là 8.235.000 đồng (Tám triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng);

-Giá trị thiệt hại về môi trường là 208.011.135 đồng (Hai trăm linh tám triệu không trăm mười một nghìn một trăm ba mươi lăm đồng);

Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường do chặt phá rừng trái phép trên diện tích 26.600m² thuộc thửa 44 và diện tích 21.600m² thuộc thửa đất số 276, khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B, thành phố L là 492.719.196 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu bảy trăm mười chín nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 113 ngày 27/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố L, kết luận:

- Giá trị 11 (mười một) cây lim xanh bị chặt hạ thuộc thửa đất số 276, khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B, thành phố L có trị giá 1.670.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng);

- Giá trị 01 cây lim xanh bị chặt hạ thuộc thửa đất số 44, khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B, thành phố L có trị giá 1.013.400 đồng (Một triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản của 12 cây lim xanh bị chặt hạ là 2.683.400đ (Hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Quá trình điều tra đã xác định được Phạm Thị L (sinh năm 1977, trú tại: thôn 2, xã B) được Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) giao cho 21.060m² diện tích đất trồng rừng sản xuất thuộc thửa đất số 275, khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B. Sau khi được giao, L đã phát rừng để trồng keo và đến tháng 12 năm 2019 thì khai thác bán keo. Vào cuối tháng 2 năm 2020, L thuê một số người chặt phá cây trên diện tích rừng được giao để tiếp tục trồng keo. L đã chỉ ranh giới lấn sang thửa số 44 khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B do Ủy ban nhân dân xã B quản lý cho người người L thuê dùng dao chặt phá 1.200m² diện tích có cây rừng tự nhiên thuộc rừng sản xuất của Ủy ban xã. Còn L cũng tự chặt phá 700m² diện tích có cây rừng tự nhiên thuộc rừng sản xuất của Ủy ban xã quản lý.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định từ năm 2012 đến năm 2014 còn có 124 thửa đất rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất (giao khoán nuôi bảo vệ) do Ủy ban nhân dân xã B quản lý bị chặt phá trái phép, hiện trường không còn cây rừng bị chặt phá (cơ quan điều tra hiện chưa xác định được đối tượng chặt phá).

Tại văn bản số 7985/UBND ngày 10/8/2020 và các biên bản làm việc ngày 10 và 11/8/2020, Ủy ban nhân dân thành phố L đã cung cấp thông tin: Ủy ban nhân dân xã B là một trong số 170 UBND xã, phường được UBND tỉnh Quảng Ninh giao quản lý rừng tự nhiên là rừng sản xuất (theo quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/3/2016) được quy định là chủ rừng nhóm I, trong phần diện tích rừng được giao có:

- Thửa đất số 44, khoảnh 7 tiểu khu 81 nằm trong địa giới hành chính thuộc thôn 3 xã B, thành phố L, thửa đất này hiện nay UBND xã B đang quản lý theo quyết định.

- Thửa đất số 276 thuộc khoảnh 7 tiểu khu 81, thôn 3 xã B, thành phố L, đã được UBND huyện H (trước sáp nhập) giao cho hộ ông Hà P T - Lê Thị B khoán nuôi bảo vệ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 054140 ngày 19/7/2012 trong đó ghi rõ giao rừng tự nhiên để khoán nuôi bảo vệ (tức là hộ dân được giao đất với mục đích này chỉ được chăm sóc, bảo vệ, không được chặt phá rừng), thửa đất này cũng do UBND xã B quản lý.

Như vậy, UBND xã B, thành phố L là đơn vị có trách nhiệm quản lý Nhà nước và có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với diện tích rừng bị chặt phá tại thửa đất rừng số 44 và thửa 276 thuộc khoảnh 7 tiểu khu 81, thôn 3 xã B, thành phố L.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn P có các lời khai cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung vụ án về thời gian, địa điểm và sự việc bị cáo đã thuê các anh Đặng Văn H, Trương Văn K, Bàn Văn T và Lý Văn B để cùng dùng dao quắm, cưa máy chặt phá trái phép 21.600m² diện tích rừng tự nhiên tại thửa đất số 276, khoảnh 7, tiểu khu 81 thuộc thôn 3, xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh và 26.600m² diện tích rừng tự nhiên tại thửa đất số 44, khoảnh 7, tiểu khu 81 thuộc thôn 3, xã B.

Bị cáo xác nhận bản thân và gia đình đều được Ủy ban nhân dân xã B và Kiểm lâm địa bàn huyện tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng hàng năm.

Nguyên nhân chặt phá rừng trái phép là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, hiểu biết xã hội kém, thấy các hộ xung quanh được cấp sổ rừng cùng thời điểm với gia đình bị cáo đã chặt để trồng keo nên P cũng chặt để trồng keo nhằm phát triển kinh tế gia đình. Bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đến khi được các cơ quan pháp luật giải thích thì bị cáo mới hiểu

hành vi đó là hủy hoại rừng. Bị cáo rất ăn năn hối cải và cam kết không vi phạm, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã B, thành phố L có quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước toàn bộ thiệt hại do hành vi chặt phá 48.200m² rừng của bị cáo đã gây ra, số tiền thiệt hại về lâm sản và môi trường, tổng là 492.719.196 đ.

Tại bản cáo trạng số 212/CT-VKSHL ngày 16/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố Hà Văn P về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm đ khoản 2 điều 243 Bộ luật hình sự.

Đối với Lê Thị L có hành vi chặt phá 1.900m² diện tích rừng tự nhiên sản xuất của Ủy ban nhân dân xã B quản lý, nhưng chưa đủ cấu thành tội phạm nên Công an thành phố L đã ra quyết định xử phạt hành chính.

Đối với 12.500m² diện tích rừng sản xuất tại thửa đất số 44, khoảnh 7, tiểu khu 81, xã B và 124 thửa đất rừng sản xuất bị chặt phá trái phép do Ủy ban nhân dân xã B quản lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Đối với các anh Lý Văn B, Bàn Văn T, Trương Văn K, Đặng Văn H, Đặng Văn N, Đặng Văn H và chị Trần Thị H đều được P, L thuê chặt phá rừng sản xuất nhưng không biết là chặt phá rừng sản xuất trái phép; đối với anh Trần Văn H cho P mượn chiếc cưa máy nhưng anh Hạnh không biết P cùng những người khác dùng để chặt phá rừng trái phép.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố L không đề cập xử lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có quan điểm tại phiên tòa: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: căn cứ điểm đ khoản 2 điều 243, điểm m,s khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Văn P từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 21/4/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước 492.719.196 đ.

- Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu 4.329 cây rừng tự nhiên bị chặt phá có tổng khối lượng gỗ là 53,542m³ để phát mại sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố đối với các bị cáo, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Hà Văn P trong quá trình điều tra phù hợp lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với nội dung vụ án về thời gian, địa điểm và sự việc bị cáo đã thuê người chặt phá rừng 21.600m² rừng tại thửa 276 khoảnh 7, tiểu khu 81 và 26.600m² diện tích rừng tự nhiên tại thửa số 44 khoảnh 7 tiểu khu 81, thuộc thôn 3 xã B, thành phố L. Bị cáo xác định đã chỉ ranh giới, diện tích cho những người mà bị cáo thuê gồm Lý Văn B, Bàn Văn T, Trương Văn K, Đặng Văn H để chặt phát. Khi cơ quan điều tra đi kiểm tra hiện trường, bị cáo đã cùng với những người có tên trên chỉ vị trí, diện tích rừng mà bị cáo cùng với họ đã chặt phát.

Những người làm chứng là các ông Lý Văn , Bàn Văn T, Trương Văn K, Đặng Văn H đều có lời khai cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm và sự việc các ông được Hà Văn P thuê chặt phát cây rừng tại thửa số 276 và thửa 44 khoảnh 7 tiểu khu 81 thuộc thôn 3 xã B, thành phố L. Việc chặt phát bằng dao quắm của mỗi người tự mang đi và cưa máy mượn của ông Trần Văn Hạnh. Vị trí, diện tích mà 4 người cùng với Hà Văn P chặt phát là do P chỉ đạo. Các ông Lý Văn B, Bàn Văn T, Trương Văn K, Đặng Văn H không nhận thức được hành vi chặt phát cây rừng như vậy là vi phạm pháp luật.

Ông Trần Văn H khai phù hợp với lời khai của bị cáo về việc đã cho Hà Văn P mượn cưa máy, ông không tham gia và không biết việc P sử dụng cưa máy vào mục đích chặt phá rừng trái phép.

Như vậy, lời khai của bị cáo đã phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác minh kiểm tra hiện trường và các phiếu điều tra, phù hợp với các tài liệu điều tra khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2019, bị cáo Hà Văn P có hành vi thuê các anh Đặng Văn H, Trương Văn K, Bàn Văn T và Lý Văn B để cùng sử dụng dao quắm, cưa máy chặt phá trái phép 21.600m² diện tích rừng tự nhiên tại thửa đất số 276, khoảnh 7, tiểu khu 81 thuộc thôn 3, xã B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh và 26.600m² diện tích rừng tự nhiên tại thửa đất số 44, khoảnh 7, tiểu khu 81 thuộc thôn 3, xã B là thuộc quy hoạch rừng sản xuất được giao cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý. Tổng diện tích rừng sản xuất và tổng giá trị thiệt hại về lâm sản, môi trường bị P chặt phá trái phép là 48.200m² và 492.719.196 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu bảy trăm mười chín nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

[3] Hành vi của Hà Văn P đã vi phạm vào khoản 1 điều 9 Luật Lâm nghiệp, nội dung điều luật quy định:

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp.

1. Chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật.

Hành vi chặt phá 48.200m² gây thiệt hại cho Nhà nước 492.719.196 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu bảy trăm mười chín nghìn một trăm chín mươi sáu đồng) của Hà Văn P đủ căn cứ để xác định bị cáo đã phạm tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 243 Bộ luật hình sự.

Điều 243 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 500.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng. Bị cáo là người đã trưởng thành, phải nhận thức được hành vi chặt phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên do ý thức chấp hành pháp luật rất kém bị cáo đã thuê người và cùng với những người này dùng dao, cưa máy chặt phá tổng số 48.200m² rừng sản xuất tại khoảnh 7 tiểu khu 81 thuộc thôn 3 xã B, gây thiệt hại về lâm sản và môi trường tổng trị giá là 492.719.196 đ.

Do vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội do lạc hậu, gia đình bị cáo là hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm m, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp hơn mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự, để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của Pháp luật mà yên tâm cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo khó khăn về kinh tế, không có việc làm ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản và môi trường cho Nhà nước (theo kết quả định giá của Hội đồng định giá).

[7] Về vật chứng của vụ án: - Cơ quan điều tra không thu giữ được cưa máy và dao găm đã dùng để chặt phá rừng nên không xem xét đến.

- Toàn bộ số cây rừng bị chặt hạ tại thửa 276 và thửa 44 khoảnh 7 tiểu khu 81 thôn 3 xã B, sau khi kiểm đếm xong, cơ quan tiến hành tố tụng đã bàn giao lại cho UBND xã B quản lý, đây là tài sản của Nhà nước nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo là cá nhân thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Thông qua vụ án, Hội đồng xét xử kiến nghị với các cơ quan tố tụng, cơ quan quản lý Nhà nước của thành phố L làm rõ trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng nhưng đã để xảy ra tình trạng chặt phá, hủy hoại rừng trên địa bàn thành phố L, tỉnh Quảng Ninh để xử lý theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 điều 243; điểm m,s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn P phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn P 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/4/2020.

Căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hà Văn P phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 492.719.196đ (Bốn trăm chín mươi hai triệu bảy trăm mười chín nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 điều 106; khoản 2 điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước toàn bộ số cây rừng bị chặt hạ tại thửa 276 và thửa 44 khoảnh 7 tiểu khu 81 thôn 3 xã B (tình trạng vật chứng do UBND xã B quản lý theo biên bản giao nhận ngày 06/3/2020).

Bị cáo và nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. L;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Công an TP L, trại tạm giam,
- Thi hành án hình sự
- Lưu VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mai Lan

Các hội thẩm

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đặng Mai Lan

Trong thời gian vừa qua, tình trạng chặt phá, hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói chung và địa bàn huyện Hoành Bồ (cũ), nay thuộc thành phố L nói riêng diễn ra hết sức phức tạp. Nguyên nhân là do ý thức chấp hành pháp luật kém của một số người được Nhà nước giao đất, giao rừng nhưng không thực hiện nghĩa vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững đối với diện tích rừng được giao. Trong đó cũng có sự thiếu trách nhiệm, buông lỏng kiểm tra, quản lý của các cơ quan, cá nhân được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý, bảo

vệ rừng. Hậu quả, tài nguyên rừng đã và đang bị tàn phá nghiêm trọng, diện tích đất rừng các loại đang bị thu hẹp, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Vì vậy việc ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi hủy hoại rừng là rất cần thiết và cấp bách của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Do vậy, vụ án này là bài học sâu sắc không chỉ đối với bị cáo Hà Văn P mà còn lời cảnh báo đối với những ai có hành vi chặt phá rừng trái phép.

Nơi nhận:

- VKSND TP. L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án TP L;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mai Lan

